



huáng hūn

黄昏

Noun · dusk

Example Sentences

xiàn zài shì huáng hūn

现在是黄昏。

It is dusk now.

huáng hūn shí fēn tā dú zì zài hú biān xiàn rù le chén sī

黄昏时分，他独自在湖边陷入了沉思。

At dusk, he fell into deep thought alone by the lake.

huáng hūn shí tiān kōng biàn chéng le chéng sè

黄昏时，天空变成了橙色。

At dusk, the sky turns orange.

Trace each character, then write the word on your own.

黄	黄	黄	黄	黄	黄	黄	黄	黄	黄	黄
黄	黄	黄								
昏	昏	昏	昏	昏	昏	昏	昏	昏	昏	昏